

**TÒA ÁN NHÂN DÂN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHU VỰC 8      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 272/2025/HS-ST

Ngày: 26-9-2025

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Thống

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Lê Thị Khanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Hà Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1), số I đường Q, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 104/2025/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

**Lê Thành L**, sinh ngày 20/02/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hộ khẩu thường trú: 22 Nguyễn Thị T, xã T (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: B N, xã T (xã P, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thành T1 và bà Nguyễn Thị B; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1994

Địa chỉ: D đường T, ấp T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thành L và bà Nguyễn Thị Ngọc P là bạn học chung thời trung học phổ thông, L nhiều lần cho bà P vay tiền và chơi nhiều dây hụi cùng với bà P. Do cần tiền kinh doanh, ngày 22/3/2023, bà P vay của L số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất 03%/1 tháng và bà P ký Hợp đồng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị B (mẹ của L) thừa đất số 35, tờ bản đồ số 47, xã T, huyện C (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay. Ngày 31/7/2023, bà P tiếp tục vay của L số tiền 2.000.000.000 đồng, với lãi suất 05%/1 tháng và bà P nhờ bà Lê Thị N (mẹ ruột của bà P) ký Hợp đồng ủy quyền cho L thừa đất số 554, tờ bản đồ số 76, xã T, huyện C (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay, bà P đã trả lãi được 600.000.000 đồng sau đó không trả lãi nữa và không trả lại 5.000.000.000 đồng tiền gốc nên L sang nhượng 02 thửa đất trên cho bà Huỳnh Thị G. Sau đó, bà P làm đơn tố cáo L về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Qua điều tra, xác minh trong tháng 5/2022, L cho P vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 03/5/2022, L cho P vay 200.000.000 đồng, đưa tiền mặt tại gần Công an huyện C, trả tiền lãi mỗi tuần là 11.000.000 đồng. Từ ngày 03/5/2022 đến ngày 08/6/2022, P đã đóng tiền lãi cho L với số tiền 60.500.000 đồng, tương đương lãi suất 0,82%/ngày, 298%/năm, thu lợi bất chính số tiền 56.388.889 đồng, tiền lãi hợp pháp là 4.111.111 đồng, khoản vay này P đã tất toán.

Lần thứ 2: Ngày 14/5/2022, L cho P vay 1.100.00.000 đồng, đưa tiền mặt tại gần Công an huyện C, trả tiền lãi mỗi tuần 55.000.000 đồng. Từ ngày 14/5/2022 đến ngày 08/6/2022, P đã đóng tiền lãi cho L số tiền 200.000.000 đồng, tương đương lãi suất 0,7%/ngày, 255%/năm, thu lợi bất chính số tiền 184.111.111 đồng, tiền lãi hợp pháp là 15.888.889 đồng, khoản vay này P đã tất toán.

Lần thứ 3: Ngày 27/5/2022, L sử dụng tài khoản của mình số 060194252997 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần T2 (S) chuyển đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Ngọc P số 18910000024564 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B1) cho bà P vay số tiền 300.000.000 đồng, khoản vay này lãi suất trả theo ngày 01%/ngày, tương đương 360%/1 năm. Từ ngày 27/5/2022 đến ngày 28/5/2022, bà P đã đóng tiền lãi cho L 6.000.000 đồng, thu lợi bất chính 5.666.667 đồng, tiền lãi hợp pháp là 333.333 đồng, khoản vay này bà P đã tất toán.

Lần thứ 4: Ngày 30/5/2022, L sử dụng tài khoản của mình số 060194252997 mở tại Ngân hàng S chuyển đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Ngọc P số 18910000024564 mở tại Ngân hàng B1 cho bà P vay số tiền 500.000.000 đồng, trả tiền lãi mỗi tuần 35.000.000 đồng. Từ ngày 30/5/2022 đến ngày 08/6/2022, P đóng tiền lãi cho L với số tiền 35.000.000 đồng, tương đương lãi suất 0,7%/ngày, 255%/năm, thu lợi bất chính số tiền 32.222.222 đồng, tiền lãi hợp pháp là 2.777.778 đồng, khoản vay này P đã tất toán.

Đối với 02 khoản vay ngày 22/3/2023, ngày 31/7/2023 với số tiền mỗi lần là 3.000.000.000 đồng và 2.000.000.000 đồng, có thể chấp 02 thửa đất số 35, tờ bản đồ số 47 và thửa đất số 554, tờ bản đồ số 76, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, do lãi suất dưới 05 lần lãi suất quy định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là có căn cứ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Lê Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên, phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Ngọc P, sao kê tài khoản ngân hàng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 580/CT-VKS-P2, ngày 12/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thành L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sau khi phát biểu ý kiến kết luận về vụ án, phân tích đánh giá các chứng cứ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên mức án đối với bị cáo Lê Thành L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; vật chứng không có; buộc bị cáo nộp lại số tiền gốc đã cho bà P vay 2.100.000.000 đồng và tiền lãi hợp pháp theo mức quy định là 23.111.111 đồng để sung ngân sách nhà nước; buộc bị cáo trả lại tiền thu lợi bất chính cho bà P là 278.388.889 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lê Thành L: Bị cáo đã rất hối hận về hành vi của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thành L tại tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, Biên bản đối chất, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo L đã thực hiện hành vi: Trong tháng 5 năm 2022 bị cáo cho bà Nguyễn Thị Ngọc P vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 2.100.000.000 đồng, lãi suất cao hơn gấp 5 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, tiền lãi bất chính mà bị cáo thu của bà P là 278.388.889 đồng

trong tổng số tiền lãi mà bị cáo thu của bà P là 301.500.000 đồng (trong đó 23.111.111 là tiền lãi thu trong quy định của Bộ luật dân sự).

[2] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Thành L đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng nhiều lúc phải bán tài sản để trả nợ gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình, bị cáo biết việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là trái pháp luật, Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì vụ lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 278.388.889 đồng đây là thuộc trường hợp định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo cũng như tính đến ngày phạm tội bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, nhân thân tốt. Do đó, khi lượng hình cần có mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 2 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bà P (người vay tiền của bị cáo) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian được tại ngoại cho đến nay bị cáo không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác, có nơi cư trú rõ ràng, mặt khác đối với tội phạm về cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì cần phải xem xét về hình phạt nghiêm khắc là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo được quy định tại Điều 35; khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý khoản tiền dùng để cho vay, tiền thu lãi hợp pháp theo quy định và tiền thu lợi bất chính: Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Theo hồ sơ, lời khai của bị cáo và người đã vay tiền của bị cáo thì tổng số tiền bị cáo đã cho vay trên cơ sở tổng số lần cho vay là 2.100.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định khoản tiền bị cáo đã dùng để cho vay là số tiền thực tế bị cáo đã giao cho người vay là 2.100.000.000 đồng. Số tiền bị cáo đã dùng để cho vay là công cụ, phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[8.1] Đối với số tiền lãi trong mức quy định (20%/năm) là 23.111.111 đồng, bị cáo thu của người vay tiền là tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8.2] Đối với số tiền thu lợi bất chính là 278.388.889 đồng. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại số tiền thu lợi bất chính đã thu từ bà P là 278.388.889 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án: Không có.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên Tòa bị cáo đồng ý trả lại số tiền thu lợi bất chính là 278.388.889 cho bà Nguyễn Thị Ngọc P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Lê Thành L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Thành L số tiền 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng.

Căn cứ Điều 46, 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về các biện pháp tư pháp:

1. Buộc bị cáo Lê Thành L nộp lại số tiền 2.100.000.000 (*Hai tỉ một trăm triệu*) đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Buộc bị cáo Lê Thành L nộp lại số tiền thu lãi hợp pháp trong mức quy định là 23.111.111 (*Hai mươi ba triệu một trăm mười một ngàn một trăm mười một*) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Buộc bị cáo Lê Thành L trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc P số tiền thu lãi bất chính là 278.388.889 (*Hai trăm bảy mươi tám triệu ba trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 –  
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an PV06;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Thống**